

Số: 45/KH-UBND

Nga Sơn, ngày 13 tháng 4 năm 2018

KẾ HOẠCH
Làm thủy lợi trước mùa mưa bão năm 2018

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2017

1. Kết quả đạt được.

Hệ thống kênh tưới, tiêu liên xã và kênh tiêu nội đồng đã được UBND huyện và các xã, thị trấn đầu tư kinh phí tổ chức nạo vét thông thoáng dòng chảy tạo điều kiện thuận lợi cho việc nâng cao hiệu quả tưới, tiêu góp phần nâng cao năng suất, sản lượng cây trồng, tạo điều kiện cho việc chuyển đổi cây trồng có giá trị kinh tế cao, nâng cao mức sống cho nhân dân, ổn định an ninh xã hội và đảm bảo công tác phòng chống thiên tai. Kết quả tổ chức thực hiện kế hoạch mới đạt 63,9 % KH. Trong đó: Vớt bèo đạt 85% KH, nạo vét kênh liên xã đạt 74,5% KH, nạo vét kênh nội đồng đạt 63,2% KH.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

2.1. Tồn tại, hạn chế:

- Một số đơn vị chưa chỉ đạo quyết liệt trong công tác làm thủy lợi trước mùa mưa bão, vớt bèo, bón trên các kênh tiêu đã gây ngập úng diện tích lạc và cây rau màu vụ Xuân khi lụt tiểu mãn và có mưa lớn xảy ra.

- Phần lớn các công trình thủy lợi nội đồng do các xã, thị trấn chưa được tu bổ, nâng cấp thường xuyên và nhiều kênh tưới nội đồng chưa được kiên cố hóa.

- Hệ thống thủy lợi mặt ruộng chưa được quan tâm đầu tư cải tạo, đặc biệt đối với thủy lợi mặt ruộng vùng màu, đặng đó, bèo tây, các vật cản trên kênh trên địa bàn toàn huyện chưa được tháo dỡ triệt để,..

- Công tác quản lý, vận hành: Trên các tuyến kênh tưới cấp 1 cấp 2 và cấp 3 thuộc địa bàn các xã, thị trấn quản lý, bảo vệ nhưng còn để nhân dân vi phạm, lấn chiếm xây dựng công trình trái phép trong hành lang bảo vệ công trình, cắm đặng đó, nuôi vịt, khai thác thủy sản, san mái kênh để trồng cây, đổ rác thải, phế thải vào lòng kênh làm ách tắc dòng chảy, gây ô nhiễm môi trường.

2.2. Nguyên nhân:

- Một số tuyến kênh tưới, tiêu bố trí trên chân đất cát bị bồi lắng, sạt lở đất qua mùa mưa năm 2017, đống đá, rác thải,...gây ách tắc dòng chảy, giảm năng lực tưới - tiêu của công trình, mặt ruộng trên chân đất trồng màu không đồng đều,...

- Một số cấp ủy đảng, chính quyền chưa chỉ đạo kiến quyết trong việc thực hiện khối lượng theo kế hoạch được giao; việc thực hiện nạo vét, phá bỏ ách tắc cản trở dòng chảy chưa thực hiện triệt để.

- Thực hiện quy hoạch, quản lý quy hoạch trong xây dựng Nông thôn mới chưa nghiêm. Còn để xảy ra hiện tượng lấn chiếm công trình phòng chống lụt bão.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích.

- Nạo vét kênh tưới, tiêu, kênh nội đồng nhằm phát huy triệt để năng lực tưới tiêu của các công trình trên địa bàn huyện đảm bảo tiêu thoát nước nhanh, kịp thời cho 4.121,5 ha lúa, 810 ha cói. Đặc biệt, bảo đảm an toàn cho 1.051,5 ha cây lạc và 650 ha cây rau màu khác khi có lụt sảy ra; đảm bảo đời sống dân sinh.

- Đảm bảo công tác PCTT - TKCN năm 2018 và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

2. Yêu cầu.

- Các tuyến kênh tưới, tiêu và mặt ruộng khi có mưa lụt đảm bảo tiêu nước kịp thời, đặc biệt là tiêu thoát nước kịp thời khi lụt tiểu mãn, không để thiệt hại tới sản xuất nông nghiệp và đời sống dân sinh.

- Các đơn vị hoàn thành 100% khối lượng, đảm bảo chất lượng theo kế hoạch được UBND huyện giao.

III. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

Sau khi kiểm tra, khảo sát kênh tưới, tiêu liên xã, hệ thống kênh nội đồng trên địa bàn huyện, UBND huyện xây dựng kế hoạch nạo vét cụ thể như sau:

1. Các kênh được nạo vét, vớt bèo, tháo dỡ đống đá:

- Nạo vét, vớt bèo, vật cản trên các tuyến kênh tiêu liên xã.
- Nạo vét, vớt bèo, khơi thông, dọn cỏ các tuyến kênh nội đồng và làm thủy lợi mặt ruộng 27 xã, thị trấn.

2. Tổng khối lượng nạo vét: 56.627 m³. (chi tiết có phụ lục kèm theo)

Trong đó:

- Kênh liên xã: Nạo vét 21.585 m³; vớt bèo 441.990 m²;

- Kênh nội đồng: Nạo vét 35.042 m³; vớt bèo 318.223 m²;
- Ngày công huy động: 10.735 công.

3. Hình thức nạo vét: Nạo vét bằng máy, thủ công.

4. Thời gian thực hiện:

- Bắt đầu làm thủy lợi từ ngày 15/4/2018.
- Thời gian hoàn thành ngày 15/5/2018.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. UBND huyện phân công các thành viên Ban chỉ Huy phòng chống thiên tai xuống các đơn vị xã, thị trấn chỉ đạo việc làm thủy lợi trước mùa mưa bão đúng kế hoạch và tiến độ để kịp thời phục sản xuất và phòng chống thiên tai.

2. Giao Chi nhánh thủy lợi Nga Sơn phối hợp với UBND các xã, thị trấn kiểm tra, tính toán số lượng vị trí cần tổ chức làm thủy lợi theo đúng yêu cầu kỹ thuật, đảm bảo tiêu ứng phục vụ sản xuất.

3. Giao Phòng Nông nghiệp&PTNT phối hợp với Chi nhánh thủy lợi Nga Sơn tổ chức nghiệm thu khối lượng, chất lượng khi các đơn vị hoàn thành.

4. Giao đài truyền thanh, Trung tâm văn hóa - TT tổ chức tuyên truyền để nhân dân biết và thực hiện có hiệu quả.

5. Đề nghị MTTQ và các đoàn thể phối hợp trong công tác chỉ đạo, tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên tích cực tham gia trong thực hiện làm thủy lợi trước mùa mưa bão. Đảm bảo cho việc tiêu thoát nước phục vụ dân sinh và an toàn cho cây trồng sinh trưởng phát triển.

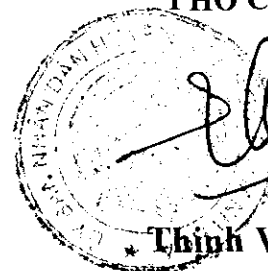
6. UBND các xã, thị trấn căn cứ vào chỉ tiêu được giao, xây dựng kế hoạch giao chỉ tiêu cho các xóm và tổ chức chỉ đạo thực hiện đạt kết quả cao nhất.

Chủ tịch UBND huyện yêu cầu Chủ tịch UBND các xã, thị trấn căn cứ kế hoạch tổ chức thực hiện đúng tiến độ và hoàn thành khối lượng được giao. Đồng thời, báo cáo kết quả thực hiện về UBND huyện (qua Phòng Nông nghiệp&PTNT) vào ngày 20/5/2018. *C. Huy*

Nơi nhận:

- TTHU, HĐND (B/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Thành viên Ban chỉ huy PCTT-TKCN;
- UBND 27 xã, thị trấn (T/h);
- Phòng NN&PTNT;
- Chi nhánh thủy lợi Nga Sơn (T/h);
- Lưu: VT, NN&PTNT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Thanh Văn Huyền

**Phụ lục: KẾ HOẠCH NẠO VÉT CÁC KÊNH TIÊU PHỤC VỤ CÔNG
TÁC PHÒNG CHỐNG LỤT BÃO NĂM 2018**

(Kèm theo công văn số 45/PC-UBND, ngày 13/4/2018 của UBND huyện Nga Sơn)

TT	Đơn vị xã, Thị trấn (Tên tuyến kênh)	Thực hiện				Số ngày công huy động (ngày)	Ghi chú
		Kênh liên xã		Kênh nội đồng			
		Nạo vét (m ³)	Vớt bèo (m ²)	Nạo vét (m ³)	Vớt bèo, dọn cỏ (m ²)		
	Tổng cộng	21,585	441,990	35,042	318,223	10,735	
1	Nga Giáp	420	9,000	360	2,400	976	
	Kênh B5B đoạn từ K19 đến kênh An Thái	420				280	
	Kênh sông Quán đoạn K19 đến Ngoại 3		3,000			120	
	Kênh An Thái đoạn từ Nga Thiện đến Nga An		6,000			240	
	Kênh sau làng từ Nội 4 đến Nội 1				2,400	96	
	Mương xương cá 11 thôn			360		240	
2	Ba Đình	300	0	1,300	0	0	
	Kênh từ cống Gỗ đến Hói thôn Mậu Lâm			100			
	Từ cống lỗ cá đến kênh cấp 1 Mỹ Thành			500			
	Từ trạm bơm Nghè Lộ đến anh Hiệu Quang Chiến Thắng			700			
	Từ cống đồng Mậu đến cống Xoài Đông Cao Mậu Thịnh	300					
3	Nga Vịnh	200	1,000	0	0	115	
	Kênh lò vôi đi Ba Đình đoạn từ đê sông Hoạt đến giáp Ba Đình		500			65	
	Kênh Nghi Vịnh đi Ba Đình đoạn cống ông Viêt đến giáp Ba Đình		500			50	
	Kênh B1 đoạn từ Nghi Vịnh đến giáp Nga	200					
4	Nga An	150	10,000	1,568,0	2,000	0	
	Kênh An Thái	150	10,000				
	Mương sông xã				2,000		
	Mương trung phân			160			
	Mương trung phân cửa khai			160			
	Mương B8 đoạn 1			332,5			
	Mương B8 đoạn 2			800			
	Mương Nam ngư			115,5			

5	Nga Điền	0	60,000	0	67,100	359	
	Kênh sông Lai Thành + sông Càn cụt		60,000			100	
	Kênh sông Ruột + Bắc Hoành + Nam Hoành				6,000	30	
	Kênh Trung Hoành				3,200	15	
	Kênh Đình Trên + Đình Dưới				1,500	10	
	Kênh Ngánh Cương + Thê Nghiệp + Đê				3,000	17	
	Ngánh Bình bò, Lương Điền				3,000	17	
	Ngánh Kỳ Tai, áp làng + Bà Quyền xóm 6				4,200	25	
	Ngánh áp làng xóm 5 từ Bắc Hoành đến ngõ ông Sơn áp ngánh bà Hiếu				3,300	21	
	Kênh Cống Đình xóm 7				4,000	25	
	Kênh vành đai áp làng xóm 7				2,500	15	
	Kênh áp lúi sau đồng - phân mã của xóm 7-8				6,000	30	
	Mương xương cá nội đồng dài 15.200m				30,400	54	
6	Nga Thành	0	0	380	1,500	253	
	Kênh Chum mắt				500	28	
	Kênh sau kiếm - ngõ hanh			150		40	
	Kênh hói xuân thành				120	7	
	Kênh hói đôn thành				130	7	
	Kênh địa sau đình làng			100		30	
	Kênh hoạ - sau bên				320	20	
	Kênh địa kỳ thượng bắc thành			70		30	
	Kênh cửa úy ban				300	28	
	Kênh B6			60		35	
	Kênh đặc nhất				50	14	
	Kênh địa môn - chân thông				80	14	
7	Nga Hải	0	9,500	350	1,900	725	
	Kênh Yên Hải		2,000			100	
	Kênh Hói Cái		1,500			75	
	Kênh Cầu Huyền		6,000			300	
	Kênh Địa vai đi sông Cầu Huyền				300	20	
	Kênh ông Kỳ				300	20	
	Kênh Gò Toàn				200	10	
	Kênh Hải Bình				500	30	
	Kênh địa vai				100	10	
	Kênh Cống Thạnh				300	30	
	Kênh cầu hào			150		50	
	Kênh đượng quan				100	10	
	Kênh sau quyền				100	10	
	Kênh Sau Niên			200		60	

8	Nga Thắng	0	8,000	0	17,800	905	
	Kênh Khứu hữu Kiều		8,000			300	
	Kênh chị Nụ đi Khứu hữu Kiều				600	20	
	Kênh trước thôn 3 đi Thần				600	20	
	Kênh K19				1,500	50	
	Kênh cống đình đi ngành nghề				1,500	50	
	Kênh 2 mẫu tư đi ngành nghề				900	30	
	Kênh Mã Ván				600	20	
	Kênh nghề đồ lác lư				1,200	40	
	Kênh Khứu hữu Kiều - Gò mẹp				2,000	60	
	Kênh đường trục Bà Đàm				600	20	
	Kênh Lò vôi - Ông Vũ				600	20	
	Kênh nhà văn hóa thôn - Trạm y tế				1,000	40	
	Kênh ông Cào - ông Huế				1,000	35	
	Kênh Đông Trước - Cống Trung				1,500	50	
	Kênh cá lúa				600	30	
	Kênh sau ông Thế				600	20	
	Kênh trước làng				600	20	
	Kênh đượng sau núi trại				900	30	
	Kênh Sóc Sưng				900	30	
	Kênh Đông				600	20	
9	Nga Phú	0	0	0	5,900	295	
	Kênh đầu mong chạy cống Văn Đức				700	35	
	Kênh Ngõ Hiệu chạy sông Ngang				1,600	80	
	Kênh Ngõ Huynh chạy Chính Nghĩa				1,000	50	
	Kênh Ngõ Chiến chạy cống ông Lạc				1,200	60	
	Kênh Ngõ Luân chạy cống Yên				1,000	50	
	Kênh Ngõ Mỹ chạy cống Lạc				400	20	
10	Thị Trấn Nga Sơn	165	0	155	0	513	
	Kênh từ lỏi từ Nga Trường ra sông Hưng Long	54,8				82	
	Kênh cầu ròm từ chợ mới đến bến xe	110				220	
	Kênh sau nghĩa địa vườn trát			30		30	
	Kênh tiêu ruộng chai TK3 từ Nga Yên ra sông Hưng Long			35		53	
	Kênh trạm bơm TK1			22		33	
	Kênh Cận đá + Từ lỏi			23		35	
	Kênh đồng từ ao ông Hội - nương bà Chiêm			45		60	
11	Nga Mỹ	0	1,250	725	7,750	61	

	Mương tiêu cống chùa đến cống chùa nang		1,250			3
	Nghĩa chùng thôn 1		97			5
	Mương xây ông Kiệm 1		55			2
	Mương xây chơi thôn 3		55			2
	Mương xây chơi thôn 4		25			2
	Mương gốc gạo thôn.5		47			3
	Mương cây son		51			3
	Kênh 19 đến cây son		32			2
	Mương xây ông thang		27			2
	Mương xây chữ viên		43			2
	Mương vườn đạo		50			2
	Mương tiêu tây trường thôn 3			1,000		3
	Mương tiêu ông Kỹ		127			2
	Mương tiêu đồng làng thôn 2			750		3
	Mương tiêu đồng làng thôn 3			5,250		4
	Mương chữ viên thôn 7		35			4
	Mương cây lai thôn 8		41			4
	Mương tây làng thôn 8		15			3
	Mương vườn đạo ao cá		25			3
	Mương ông Xếp thôn 5			750		7
12	Nga Hưng	350	5,250	850	0	
	Kênh nội đồng xóm 1		125			
	Kênh nội đồng xóm 2		100			
	Kênh nội đồng xóm 3		135			
	Kênh nội đồng xóm 4		110			
	Kênh nội đồng xóm 5		120			
	Kênh nội đồng xóm 6		70			
	Kênh nội đồng xóm 7		80			
	Kênh nội đồng xóm 8		110			
	Kênh Đồng Hà lên sông Hưng Long	150	2,850			
	Kênh Rọc Họ lên cống Bà Dưa	70	1,400			
	Kênh ruộng Vàng Trắng xóm 6 lên Cầu Ròm	50	1,000			
	Kênh Đồng bầu xóm 4 ra cống ông Bầu	80				
13	Nga Thiện	0	3,700	16,080	0	2,300
	Kênh An thái		1,500			500
	Kênh Văn Trường Thiện		2,200			1,800
	Kênh B3			1,000		
	Kênh Đội			800		
	Kênh Trường			180		
	Kênh Hào			1,000		
	Kênh Xương Cá			13,100		

14	Nga Trường	120	820	535	0	0	
	Mương cửa Khâu			22			
	Mương ải			23			
	Mương đường tắt (Mương dọc + Ngang)			45			
	Kênh cây Đa - Cầu Cúp			23			
	Kênh cây Đa - má đồng			34			
	Kênh Má dứa			22			
	Kênh giếng Quan - đông ao			16			
	Mương Đông Tây giữa Rộc			23			
	Mương tiêu bà Tấu - bông bông			22			
	Mương trích la			23			
	Mương đượng			45			
	Mương Nghênh lâm			60			
	Mương tiêu cửa khâu đi đượng cát			22			
	Mương chơi trong ngoài			15			
	Mương bách được			15			
	Mương Bê tông kẹm			35			
	Mương cây xanh			30			
	Mương trái bầu			20			
	Mương cửa cày			15			
	Mương chơi 3			25			
	Kênh B1	70					
	Kênh B2	30					
	Kênh ông Xếp		50				
	Kênh tiêu Lê Mã Lương		70				
	Kênh Văn Trường Thiện	20	700				
15	Nga Yên	100	0	2,893	5,250	26	
	Kênh B2 (Từ cống cách - Ô Ta Nga Hải)	100				3	
	Mương B2 đi cầu đá - Cầu chùa xóm 2,4 - Cống quay				1,500	2	
	Mương B2 đi Cống ông Chiến xóm 4				700	1	
	Mương chân đường cái xóm 6 đi xóm 5				500	1	
	Mương xây xóm 3 - Cống quay xóm 2				1,000	2	
	Cống Thủy Xóm 1 đi Cầu Ông Quát				750	1	
	Tuyến mương Cận núc				800	1	
	Các tuyến kênh mương nội đồng từ xóm 1 đến xóm 10			2,893		15	
16	Nga Văn	950	0	2,460	0		
	Kênh má song			500			
	Kênh ông Long đi đường phát			230			

	Kênh mã thái			520		
	Kênh sóc			1,210		
	Kênh hào chìm	950				
17	Nga Nhân	0	1,000	390	0	450
	Kênh cầu mè		1,000			
	Kênh Đồng già			40		
	Bờ đó			20		
	Kênh Đạc 1,2			35		
	Kênh Đồng thẳng			40		
	Kênh ngầy sùng			45		
	Kênh sau chùa			30		
	Kênh cây đầu, kỹ thuật			60		
	Kênh mã ổi			40		
	Kênh N8			45		
	Kênh Trạm điện - N6			35		
18	Nga Bạch	70	6,000	215	0	100
	Tuyến kênh liên xã Hoa Tuệ	70	6,000			100
	Tuyến mương ao lai			80		
	Tuyến mương chợ niêm			70		
	Tuyến mương đồng sy			65		
19	Nga Thanh	620	29,300	1,100	16,100	1,291
	Kênh Ngang nam: 2.200		17,600			117
	Kênh T3: 450		3,600			24
	Kênh ông Miêu: 500		2,500			17
	Kênh ông Bôn: 700	500	5,600			400
	Bồi trúc, mở rộng đê sông Hung Long (đoạn cong gần kênh 19 cũ)	120				70
	Kênh trang trại: từ nhà ông Thế đến đồng Bát mẫu xóm 7				2,100	14
	Kênh ông Phàm xóm 4			200		100
	Đào mương, đắp đường sau khu quy hoạch đất ở đê NH1 xóm 1, xóm 4, xóm 5.			300		150
	Kênh ông Tấn xóm 1			45	2,000	36
	Kênh ông Vinh xóm 2			45	1,000	30
	Kênh ông Bính xóm 2			45	1,000	30
	Kênh ông Nghĩa xóm 3			45	1,600	34
	Kênh ông Tuấn xóm 3			45	1,000	30
	Kênh ông Bê xóm 4			45	2,000	36
	Kênh ông Sơn xóm 4			45	1,000	30
	Kênh ông Ngũ xóm 5			45	1,200	31
	Kênh bà Dương xóm 5			45	2,000	36
	Kênh ông Bách xóm 6			45	1,200	31
	Kênh đồng xóm 7			150		75
20	Nga Thủy	0	6,000	2,500	10,000	

	Kênh Ngang Nam		6,000			
	Kênh nội đồng 10 thôn			2,500	10,000	
21	Nga Thái	8,000	43,500	0	20,000	
	Kênh sông Ngang		21,000			
	Kênh sông Hải Sơn		2,000			
	Kênh Thanh Sơn		3,600			
	Kênh sông Trường Sơn		2,000			
	Kênh sông Thái Thịnh		2,500			
	Kênh xóm 9 đi nông sản		4,400			
	Kênh sông mới Từ Thịnh xóm 8 đến hết xóm 7		4,000			
	Mương chân đê		4,000			
	Mương nội đồng				20,000	
	Mương xóm 4	2,000				
	Mương xóm 5	3,000				
	Mương xóm 7	2,000				
	Nạo vét tạo dòng trạm bơm	1,000				
22	Nga Tân	10,080	89,095	2,275	0	570
	Nhánh bao triều	7,280				270
	Kênh Tân Mỹ	2,800	17,868			150
	Nhánh nội đồng xóm 1			2,275		150
	Kênh ba Làng		11,415			
	Kênh Tân Hưng		36,312			
	Kênh sông 10		13,000			
	Kênh Tây Làng		10,500			
23	Nga Liên	0	35,875	0	17,840	
	Sông Ngang Bắc		16,500			
	Sông Ông Mão		4,375			
	Sông Ông Đồng		5,000			
	Sông cầu Đen		5,000			
	Sông Tiến Thành		5,000			
	Mương ông Uy				540	
	Mương ông Minh				540	
	Mương ông Lịch				540	
	Ngánh ông Dũng xóm 5				950	
	Ngánh ông Tư xóm 5				300	
	Ngánh ông Dong xóm 5				300	
	Ngánh Chân Đê				3,000	
	Ngánh ông Chuyên xóm 2				800	
	Ngánh ông Khoát xóm 2				950	
	Ngánh ông Hảo xóm 2				500	
	Ngánh ông Bảy xóm 9				500	
	Ngánh ông Chúc xóm 9				950	
	Ngánh giáp Nga Thái				950	
	Ngánh Nhà văn hóa xóm 3				550	

	Ngánh Nhà văn hóa xóm 3 ra đê				550	
	Ngánh bà Nhỡ X9				360	
	Ngánh và Kiều xóm 4				300	
	Ngánh ông Tư xóm 4				500	
	Ngánh ông Thuận xóm 1				480	
	Ngánh ông Sơn xóm 1				480	
	Ngánh ông Hòa xóm 9				320	
	Ngánh Tây đường ông Hội				590	
	Ngánh bà cầu				320	
	Ngánh Nhà Thờ				320	
	Ngánh ông Hiến				320	
	Ngánh sau Ngọc xóm 1				320	
	Ngánh sau ông Thủy xóm 3				450	
	Ngánh Bà Tuyên				350	
	Ngánh trước ông Ngôn				450	
	Ngánh trạm biên áp xóm 5				360	
24	Nga Tiến	0	109,000	0	115,500	1,155
	Sông 10				40,500	200
	Sông 12				75,000	280
	Sông Tiên An		24,000			145
	Sông Xuân Mai		19,600			120
	Sông Mậu Đức		24,000			145
	Sông 10		36,000			215
	Sông 12		5,400			50
25	Nga Thạch	0	700	666	9,643	0
	Kênh phía Nam		700			
	Kênh lát sau cầu máng				280	
	Kênh N7			142		
	Kênh đường 5				300	
	Từ đốc bà Mưu				544	
	Kênh rớt đạc				675	
	Kênh hói ráng				1,050	
	Kênh 3/2				875	
	Kênh giữa đồng				720	
	Kênh thứ 8				374	
	Kênh đồng sòi				875	
	Kênh đường lốc				300	
	Kênh cống kho				582	
	Kênh cống 4 cửa bãi giá				260	
	Kênh từ cống 4 cửa trở vào				1,161	
	Kênh dong giữa				1,161	
	Kênh cống nghè 2				486	
	Kênh đồng cao đồng sãnh			150		
	Kênh vùng 1 + vùng 2			100		